TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 905/2020/HS-PT
Ngày: 27/11/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Th**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Đăng Phong.**

Ông **Nguyễn Ngọc Huân.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đồng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 418/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, Trần Văn Tg do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Th,Cao Văn C, Trần Văn Tg và kháng nghị của VKSND Thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1. *Bị cáo có kháng cáo* **NGUYỄN THỊ N**; Sinh năm: 1974. HKTT: ....., quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Nơi ở: ....., huyện Thạch Thất, Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 12/12. Con ông: Nguyễn Hiền N (đã chết). Con bà: Vũ Thị H; tiền án, tiền sự: Không. Bắt tạm giam từ ngày 18.3.2015 đến ngày 20.7.2015, (*bị cáo tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa).*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Kim Ánh – Công ty Luật Hợp danh INCIP, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội *(có mặt tại phiên tòa).*

2.Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị: **NGUYỄN THỊ THU TH**; Sinh năm: 1971. HKTT: .....thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở: .....quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 10/12. Con ông: Nguyễn Duy T (đã chết) và con bà: Phan Thị . Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ 26.3.2015 đến ngày 04.4.2015. Bị cáo được tại ngoại sau đó bỏ trốn. Truy nã ngày 18.5.2019. Bắt ngày 25.6.2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an TP. Hà Nội,(*có mặt tại phiên tòa).*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Xuân Đảm – Công ty Luật TNHH Lion, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội *(có mặt tại phiên tòa)*

3.*Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:*Cao Văn C; Sinh năm: 1987. HKTT: ....., huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: Không xác định. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá:12/12. Con ông: Cao Văn H. Con bà: Cao Thị H; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú ngày 14.5.2016. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáoCao Văn C: Luật sư Trần Đại Phong – Công ty Luật TNHH Tuệ Anh, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4.Bị cáo không kháng cáo: **TRẦN VĂN TG**; Sinh năm: 1975. HKTT và nơi ở: ...., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 2/12. Con ông: Trần Ngọc A (đã chết) và con bà: Lê Thị Đ; Tiền án, tiền sự: Không. Tự thú ngày 15.3.2015. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5 *Bị cáo không kháng cáo, có kháng nghị:* **NGUYỄN VĂN TN**; Sinh năm: 1981. HKTT: ...., quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Chỗ ở: ...., quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Ph. Con bà: Chu Thị M; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/7/2005, Tòa án nhân dân huyện Từ S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc.

- Ngày 14/3/2012, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt tiền 7.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

Truy nã ngày 26.7.2015. Đầu thú ngày 22.01.2016. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại có kháng cáo, kháng nghị:*** Anh **TRẦN VĂN TG**, sinh năm: 1975; HKTT và nơi ở: ...., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Trần Văn Tg: Luật sư Vũ Văn Thiệu* – Công ty Luật Hợp danh INCIP, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Luật sư Thiệu vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị:***

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1966, trú tại: ...., Cầu Giấy, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Lâm Văn H, sinh năm: 1983, trú tại: ...., Cầu Giấy, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1983; trú tại: ..... thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Trần Văn H, sinh năm: 1974, trú tại: ....., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 14/3/2015, Nguyễn Thị Thu Th, Thái Minh S, Nguyễn Văn Tn ăn C cùng đến nhà của Nguyễn Thị N tại ...., Hai Bà Trưng, Hà Nội, tại đây, Th, S, Nguyễn Văn Tn và C nói chuyện với nhau về việc Phạm Minh B (SN: 1976; trú tại: ...., Quảng Xương, Thanh Hóa) đang đến, có đi cùng một số người có thể chơi cờ bạc bịp dưới hình thức chơi xóc đĩa có sử dụng dụng cụ gian lận để chiếm đoạt tiền của người chơi. Phân công vai trò của từng người như sau: S đóng vai người nợ tiền Phạm Minh B, rồi lấy lý do trả tiền mặt cho Phạm Minh B trước mặt mọi người, sau đó sẽ sử dụng số tiền này đưa vào chơi cờ bạc nhằm thu hút đối tượng khác tham gia. Th là người cung cấp tiền cho S để S trả nợ Phạm Minh B. Dụng cụ và kỹ thuật chơi cờ bạc gian lận là do Nguyễn Văn Tn và C phụ trách. Nguyễn Văn Tn sẽ cầm cái, phổ biến cách thức chơi cờ bạc bịp cho S, Th, C nghe và nói cứ đánh theo nhà cái. Mục đích của cả nhóm là sẽ chiếm đoạt hết số tiền mà đối tượng có và sẽ chia nhau số tiền chiếm đoạt được theo tỉ lệ 50/50 cho một bên là Phạm Minh B - người dẫn con mồi ra và một bên là những người tham gia vào việc đánh bạc gian lận.

Sau đó, Th đưa cho S 5.000USD (Năm nghìn đô la Mỹ) gồm 50 tờ tiền mệnh giá 100 USD (Một trăm đô la Mỹ). S gọi điện cho Phạm Minh B, nói chuyện qua điện thoại về việc nợ Phạm Minh B số tiền 200.000.000đồng, hẹn trả tiền tại địa chỉ nhà N - số ....., Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nguyễn Văn Tn đặt 01 bệ nam châm màu đen kích thước 7 x 3 x l cm mà Tn mang sẵn trong người để ở dưới thảm phục vụ việc chơi cờ bạc bịp.

Trong khi chờ nhóm Tg đến bị cáo Th khởi xướng việc chơi tá lả gồm N, Th, Nguyễn Văn Tn và C là người lấy tú lơ khơ ra chơi tá lả ăn tiền tỉ lệ 100.000đ,

200.000đ, 300.000đ. Cụ thể người về nhất sẽ được tiền của người về nhì, về ba, về bét với số tiền lần lượt là 100.000đ, 200.000đ, 300.000đ/ván. Riêng S ngồi uống bia không tham gia đánh bạc cùng. Khi chơi tá lả, N sử dụng 20.000.000 đồng để đánh bạc, Tg 5.000.000 đồng. Th sử dụng 5.000.000 đồng đánh hòa tiền. C sử dụng 1.000.000 đồng, Tg 10.000.000 đồng. Nguyễn Văn Tn sử dụng 15.000.000 đánh bạc bị thua hết. Các bị cáo sử dụng 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) đánh bạc.

Khoảng 30 phút sau, S xuống nhà đón Phạm Minh B, Trần Văn Tg và Trần Văn H (SN: 1974; trú tại: ....., Quảng Xương, Thanh Hóa). Trước mặt mọi người, S nói chuyện với Phạm Minh B về khoản nợ 200 triệu, rồi đưa cho Phạm Minh B 5.000 USD (Năm nghìn đô la Mỹ) - là sồ tiền Th đã đưa cho S trước đó, nói là: "Đây là 5.000 USD, thừa thiếu thế nào tính sau. Lúc này, S, Tg, Phạm Minh B và H ngồi trên bàn uống bia, còn 04 người Th, N, Nguyễn Văn Tn và C vẫn đánh tá lả dưới sàn. Thấy đông người, Nguyễn Văn Tn, Phạm Minh B khởi xướng việc chơi xóc đĩa ăn tiền. C cắt 04 quân vị hình tròn, 01 mặt trắng, 01 mặt vàng từ vỏ bao thuốc lá Vinataba do Nguyễn Văn Tn chuẩn bị từ trước đưa cho. N lấy bát và đĩa ở bếp ra, rồi N, Th, S, Nguyễn Văn Tn, Phạm Minh B, C và Tg chơi xóc đĩa, trong đó Nguyễn Văn Tn là người cầm cái. Quy ước mỗi lần đặt cửa từ l.000.000đ trở lên, không giới hạn mức cao nhất.

Dụng cụ cờ bạc bịp do Nguyễn Văn Tn mang đến, đó là bệ nam châm màu đen, hình chữ nhật để trần kích thước khoảng 7 x 3 x 1 cm, B đã để sẵn dưới thảm, bộ quân vị chẵn (gồm 02 cặp quân vị cùng cực) được tráng sẵn một lớp mạt sắt trong suốt trên một mặt, C cắt từ vỏ 01 bao thuốc lá Vinataba tại bàn uống nước trước mặt mọi người nhưng thực chất là do Nguyễn Văn Tn mang đến từ trước và đưa cho C. Cụ thể khi xóc đĩa, chỉ cần để gần chiếc bệ nam châm do lực hút giữa bệ nam châm và các quân vị nên các quân vị sẽ không lật mặt được, chỉ cho kết quả là chẵn. Khi nào cần ra lẻ hoặc có thể để rơi tự do sẽ đưa ra xa bệ nam châm.

Cách thức chơi Nguyễn Văn Tn đã phổ biến, hướng dẫn cách chơi cho S, Th và C như đã bàn bạc, đó là khi chơi, tất cả mọi người đánh theo nhà cái là Nguyễn Văn Tn. Nếu Nguyễn Văn Tn đưa bát đưa gần với bệ nam châm và chắc chắn có kết quả chẵn,Tn sẽ đặt bát xuống và cho mọi người đặt tiền. Nếu con mồi - tức Tg đặt đúng cửa chẵn tức mở ra thì Tg sẽ ăn tiền, trường hợp này Nguyễn Văn Tn sẽ hô: "Bán sạch mặt chẵn" tức là sẽ bán cửa đó, nếu không ai "đắt" tức nhận cửa đó thì nhà cái sẽ đuổi mọi người về và Tg sẽ không Tg được tiền ở ván đó. Nếu Tg đặt tiền

vào cửa lẻ thì hoặc là nhà cái sẽ mở bát luôn và Tg sẽ thua tiền, hoặc là nhà cái hô: "Chẵn thừa…" nếu Tg "đắt" tức nhận cửa đó tiếp tục nhận mặt lẻ thêm số tiền này thì khi mở ra, Tg sẽ thua cả số tiền đã đặt ban đầu và số tiền "đắt" thêm.

Phạm Minh B là người rủ Tg xuống chơi xóc đĩa cùng. Khi vào chơi, Tg có 1.000.000đồng. Tg đặt cửa theo cùng với Phạm Minh B. Phạm Minh B đặt cửa nào thì Tg đặt cửa đó có lúc được, lúc thua. Chơi được 5 – 6 ván thì thua hết tiền. Tg vay của Phạm Minh B nhiều lần với số tiền (cả tiền mặt và tiền USD) theo Phạm Minh B tính toán là 300.000.000 đồng, Phạm Minh B không cho Tg vay nữa. Đến lúc đó là cả Tg và Phạm Minh B đều thua hết tiền. Tg bán cho Th chiếc nhẫn vàng ta 5 chỉ với giá 800USD vào chơi tiếp mục đích để gỡ lại số tiền đã bị thua. Nhưng chơi tiếp Tg lại thua hết 800USD đó. Tg có nói muốn bán chiếc xe Ô tô Toyota Vios, BKS: 36A-109.22 để lấy tiền trả cho Phạm Minh B và chơi tiếp. Nguyễn Văn Tn gọi điện cho Lâm Văn H (sinh năm: 1983; trú tại: số 16, ngõ 105 Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội) nói có người muốn bán xe. H gọi điện cho Nguyễn Văn D (sinh năm: 1989, trú tại: Đồng Quỳ 2, phường Đồng Xuân, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc). D gọi cho Nguyễn Văn A (sinh năm: l966; trú tại: số 23, ngõ 47, Nguyễn Khả Trạc, phường Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội) nói có người bán xe ô tô và Tg đã bán xe với giá 450.000.000đ

Khoảng 22h00' cùng ngày 14/3/2015, H và D đưa A đến nhà N để mua xe Ô tô của Tg. Sau khi bàn bạc với A, Tg thống nhất bán xe Ô tô Toyota Vios, BKS: 36A-109.22 của Tg cho A với số tiền là 450.000.000 đồng, có viết giấy mua bán xe đã giao xe và nhận đủ tiền. Sau khi nhận tiền bán xe Ô tô, Tg trả cho Phạm Minh B số tiền 300.000.000 đồng vay khi đánh bạc, còn lại số tiền 150.000.000đồng, Tg tiếp tục chơi đến khi thua hết.

Đến khoảng 00h sáng ngày 15/3/2015, cả hội dừng lại không chơi nữa. Th cho Tg 10.000.000 đồng, S cho Tg 2.000.000 đồng. Phạm Minh B cầm số tiền theo tính toán của S và Th là khoảng hơn 200.000.000 đồng, Tg và H ra về. Còn S, Th, Nguyễn Văn Tn và C ở lại. Cả hội kiểm đếm rồi chia nhau số tiền Tg bạc còn được 240 triệu, Th, S, Nguyễn Văn Tn và C mỗi người được 50.000.000 đồng. Th đưa cho N 40.000.000 đồng do cả hội đánh bạc tại nhà N.

Sau khi rời khỏi nhà N, nghĩ mình bị nhóm của S, Nguyễn Văn Tn chơi cờ bạc bịp làm thua hết tiền nên Tg đã đến Công an Phường Thanh Nhàn trình báo và khai nhận hành vi đánh bạc của mình như đã nêu ở trên. Số tiền bị cáo Tg đánh bạc thua

gồm: 1.000.000đ tiền mặt, 800 USD (tương đương 17.166.000đồng) tiền bán chiếc nhẫn vàng cho Th, tiền bán xe ô tô 450.000.000đ tổng số là: 468.166.000 đồng.

Bộ dụng cụ cờ bạc bịp do Nguyễn Văn Tn mua của một người đàn ông không quen qua mạng Intemet, sau khi đánh bạc Tn đã vứt bệ nam châm hiện không thu hồi được. Còn 04 quân vị có tráng lớp sắt C cầm mang đi vứt hiện không thu hồi được.

Tổng số tiền các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt của Tg bằng hình thức đánh cờ bạc bịp chính là số tiền Trần Văn Tg đánh bạc thua hết gồm: 1.000.000đ tiền mặt, 800 USD (tương đương 17.166.000đồng) tiền bán chiếc nhẫn vàng cho Th, tiền bán xe ô tô 450.000.000đ tổng số tiền **468.166.000 đồng.**

Đối với anh Trần Văn H, quá trình điều tra xác định, anh H không liên quan tới hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cơ quan CSĐT không xử lý trong vụ án này. Anh H đã giao nộp cho cơ quan Công an tờ 100USD.

*Hiện bị can Phạm Minh B đang bỏ trốn cơ quan CSĐT đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra quyết định truy nã đối với Phạm Minh B.

Đối với chiếc xe Ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 36A-l09.22 Trần Văn Tg là chủ sở hữu hợp pháp, nên việc Tg bán xe ôtô cho anh Nguyễn Văn A là hoàn toàn hợp pháp.

Đối với bị can Thái Minh S bị bệnh tâm thần, hiện Thái Minh S đang bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc và ngày 09/5/2017, CQCSĐT đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Thái Minh S.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

*Áp dụng:*Khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tất cả các bị cáo.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 30 tháng tù về tội "*Đánh bạc*", 20 tháng tù về tội "Gá bạc".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Bộ luật hình sự năm 2015,

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th 09 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 04 năm tù về tội Đánh bạc.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Tn vàCao Văn C.

Phạt: Nguyễn Văn Tn 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 04 năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 13 năm tù.

*Phạt:***Cao Văn C** 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 04 năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 12 năm tù.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 47; điểm s, r, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Trần Văn Tg.

Phạt: Trần Văn Tg 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí quyền kháng cáo

Ngày 26/5/2020 Trần Văn Tg kháng cáo yêu cầu Tn, Th C trả lại 451.000.000đ và 800 USDD (tương đương 17.166.000đ) = 468.166.000đ

Ngày 21/5/2020 bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 1/6/2020 bị cáo Nguyễn Thị Thu Th kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 28/5/2020 bị cáo Cao Văn C kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 18/6/2020 Viện trưởng VKSND Thành Phố Hà Nội Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKSHN ngày 18/6/2020, Kháng nghị phần áp dụng khung hình phạt và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C của Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Đề nghị xét xử theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử: Giữ nguyên quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Đề nghị phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th 9 năm 6 tháng tù vê tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù về tội " Đánh bạc".

Phạt bị cáo: Nguyễn Văn Tn 9 năm tù vê tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù về tội " Đánh bạc".

Phạt bị cáo:Cao Văn C 8 năm tù vê tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù về tội " Đánh bạc".

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu Th - Luật sư Đỗ Xuân Đảm có ý kiến: Việc tách hành vi đã truy tố xét xử tại cấp sơ thẩm đối với bị cáo Th về 2 tội " *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và " *Tội đánh bạc*" là không hợp lý, đề nghị không áp dụng " Tội đánh bạc" theo khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố mẹ là người có công với Cách mạng; Trong khi đánh bạc có can ngăn bị cáo Tg là ngăn chặn bớt tác hại của tội phạm để nghị áp dụng điểm a, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 giảm hình phạt cho bị cáo ở mức dưới khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáoCao Văn C, Luật sư Trần Đại Phong có ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đầu thú, khắc phục hậu quả đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 giảm hình phạt cho bị cáo ở mức dưới khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N có ý kiến: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả giao nộp 40.000.000đ, hiện đang nuôi con nhỏ đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đề nghị phạt tiền về " Tội đánh bạc" và phạt cải tạo không giam giữ về " ***Tội gá bạc***".

Người bào chữa cho bị hại Trần Văn Tg vắng mặt, Luật sư có gửi bản luận cứ có ý kiến: Do có kháng nghị của Viện kiểm sát, khi các bị cáo đánh xóc đĩa đã có hành vi gian dối vì vậy các bị cáo phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", không phạm tội " *Đánh bạc*" theo khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999, Trần Văn Tg là bị thiệt hại số tiền 468.166.000 đồng do vậy các bị cáo phạm tội Lừa đảo pH liên đới bồi thường trả cho anh Tg số tiền đánh bạc thua hết (tiền bán xe, bán nhẫn vàng) = 468.166.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về hình thức***: Kháng nghị của VKSND Thành phố Hà Nội và đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về Thẩm quyền kháng nghị, đúng về chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] ***Xét Quyết định kháng nghị số 12 ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C và kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, Trần Văn Tg.***

Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, Trần Văn Tg, Nguyễn Văn Tn đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đối với hành vi đánh xóc đĩa tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Th không khai nhận hành vi phạm tội tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Th thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm.

Các bị cáo đều khai về thời gian đánh bạc kéo dài từ 19 giờ ngày 14/3/2015 cho đến 00giờ ngày 15/3/2015.

Địa điểm chơi là nơi ở của Nguyễn Thị N tại địa chỉ: số 02 ngõ 126 Kim Ngưu - Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hình thức đánh bạc ban đầu chơi tá lả, sau đó chuyển sang xóc đĩa.

Nhóm đánh bạc xóc đĩa có 2 bên là bị cáo Tg và N có ý thức tham gia đánh xóc đĩa cùng các bị cáo còn lại là Th, Tn, C nhóm của Th dùng thủ đoạn gian dối để chơi. Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Văn Tn, C khai khi chơi xóc đĩa người cầm cái úp bát đĩa vào bên trong có 4 quân bài vị 1 mặt được phủ bạc màu vàng, 1 mặt màu trắng khi xóc để gần bệ nam châm thì không hút quân vị không lật mặt được nên chỉ chẵn, khi chơi nhóm Tn đánh theo nhà cầm cái (người xóc). C Tn thay nhau cầm cái để bát đĩa gần bệ nam châm khi xóc thì ra chẵn, để xa bệ nam châm thì không bị ảnh hưởng tỷ lệ ăn thua là 50/50 có các bị cáo N, Th, Tn, C, Tg và Phạm Minh B (Tn đã bỏ trốn)

*Về số tiền đánh bạc: C*ác bị cáo đều thừa nhận khi bị cáo N, Th, C và Nguyễn Văn Tn chơi tá lả có dùng số tiền 41.000.000đ, 5000 USD của Th đưa cho S; tiền mặt có, hiện vật của bị cáo Tg (bán xe ôtô 450.000.000đ, nhẫn 800 USD tương đương 17.166.000đồng) cộng 468.166.000đ tổng số tiền đánh bạc (tá lả, xóc đĩa) là:

659.456.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).*

Sau khi đánh bạc xong cả nhóm chia nhau tiền trong đó có việc Th cho N 40.000.000 đồng do cả hội đánh bạc tại nhà N.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu đã thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 14/3/2015 tại nhà bị cáo N ở địa chỉ số 02 ngõ 126 Kim Ngưu - Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội có các bị cáo Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Th chơi đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức chơi là đánh tá lả bị cáo N sử dụng 20.000.000 đồng để đánh bạc, Tg 5.000.000 đồng. Th sử dụng 5.000.000 đồng đánh hòa tiền. C sử dụng 1.000.000 đồng, Tg 10.000.000 đồng. Nguyễn Văn Tn sử dụng 5.000.000 đánh bạc bị thua hết. Tổng số tiền chơi tá lả là 41.000.000đ.

Sau khi đánh tá lả tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị N cũng tại nhà của bị cáo N các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn vàCao Văn C đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối thông qua việc đánh bạc (đánh xóc đĩa ăn tiền) trái phép có sử dụng dụng cụ gian lận chiếm đoạt số tiền **468.166.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) của Trần Văn Tg.

Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn vàCao Văn C có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh tá lả và xóc đĩa được thua bằng tiền thông qua 2 chiếu bạc với tổng số tiền đánh bạc là: 659.456.000 đồng (Sáu trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị N có hành vi Gá bạc, thu lời bất chính 40.000.000 đồng.

Như vậy các bị cáo tham gia chơi tá lả, xóc đĩa được thua bằng tiền và vật (nhẫn vàng của Tg) như đã nêu trên là hành vi trái pháp luật bị cấm không được cơ quan có thẩm quyền cho phép đã đủ thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan của tội đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc được xác định là **659.456.000** đồng vì vậy bị cáo phạm tội thuộc điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS 1999.

Các bị cáo Nguyễn Văn Tn, Phạm Văn Tn,Cao Văn C, Nguyễn Thị Thu Th bàn bạc từ trước thông qua chơi xóc đĩa (đánh bạc) các bị cáo sử dụng bệ Nam châm để sẵn dưới thảm khi người cầm cái úp bát đĩa vào bên trong có quân bài vị 1 mặt được phủ bạc màu vàng, 1 mặt màu trắng khi xóc để gần bệ nam châm thì không hút quân vị không lật mặt được nên chỉ chẵn, khi chơi nhóm Tn đánh theo

nhà cầm cái (người xóc) như vậy nhóm của Tn, C, Th, Phạm Minh B có hành vi gian dối là dùng bệ Nam châm để chơi xóc đĩa mục đích để dành phần Tg về nhóm của Tn mục đích chiếm đoạt tiền của Tg khi tham gia đánh bạc, đây là hành vi gian dối thông qua hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa để thực hiện hành vi gian dối, vì có sự gian dối nên mới lừa chiếm đoạt toàn bộ tài sản Trần Văn Tg có khi tham gia đánh bạc đây là hai hành vi riêng biệt nhưng có liên quan đến nhau. Như vậy các bị cáo Th Tn C ngoài hành vi đánh bạc như phân tích trên các bị cáo còn có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại Trần Văn Tg vì vậy hành vi đánh bạc (hình thức xóc đĩa) không thể bị thu hút về hành vi lừa đảo (*không có tình tiết thuộc định khung hình phạt của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản).*

Tổng số tiền các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt của Tg bằng hình thức đánh cờ bạc bịp chính là số tiền Trần Văn Tg đánh bạc thua hết gồm: 1.000.000đ tiền mặt, 800 USD (tương đương 17.166.000đồng) tiền bán chiếc nhẫn vàng cho Th, tiền bán xe ô tô 450.000.000đ, tổng số tiền **468.166.000 đồng**.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cầu thành tội " ***Đánh bạc***" và *" **Gá bạc**"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248, điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật, đối với tội " ***Gá bạc***" áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo Trần Văn Tg đã phạm tội "*Đánh bạc*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong vụ án này, Trần Văn Tg vừa là bị cáo vừa là người bị hại. Bị cáo Tg là bị cáo trong vụ án đánh bạc và là người bị hại trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Thị N bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội "*Đánh bạc*" và "*Tội gá bạc*" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Nguyễn Văn Tn, Nguyễn Thị Thu Th,Cao Văn C bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội " *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và " *Tội đánh bạc"* theo điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cáo Trần Văn Tg bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội " *Tội đánh*

bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi đánh bạc, gá bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự kỷ cương xã hội.

Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Nguyễn Văn Tn, Nguyễn Thị Thu Th vàCao Văn C là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của chính các bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Đây là vụ án đồng phạm, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính chất Đồng phạm áp dụng cho các bị cáo, vì vậy cấp Phúc thẩm áp dụng Điều 58 Bộ Luật hình sự để phân hóa vai trò và khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo trên cơ sở đã được phân hóa như sau:

Đối với hành vi Đánh bạc có các bị cáo tham gia: N, Th, Tn, C, Tg, Phạm Minh B (bị can Phạm Minh B đã bỏ trốn đã bị truy nã khi nào bắt được xử lý sau). Bị cáo Th là người khởi xướng chơi tá lả và tham gia đánh bạc từ đầu có vai trò cao nhất, bị cáo Tn là người cầm cái khi đánh xóc đĩa duy trì nhóm bạc có vai trò thứ 2, bị cáo C là người chuẩn bị bài vị để đánh xóc đĩa có vai trò thứ 3, bị cáo Tg và N là người thực hành tham gia đánh bạc nên có vai trò thấp hơn.

Trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có các bị cáo Th, Tn, C, Phạm Minh B (bỏ trốn đã bị truy nã) bị cáo Th là người cho tạo dựng trả S 5000 USD trả nợ không có thật để các bị cáo khác có tiền tham gia đánh xóc đĩa dẫn dắt đối tượng Tg tham gia đánh bạc có thủ đoạn gian dối để đạt mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Tg nên có vai trò cao nhất, bị cáo Tn là người phổ biến hướng dẫn cách chơi (đánh theo nhà cái) cầm cái thực hiện thủ đoạn gian dối nên có vai trò thứ 2, bị cáo C biết cùng cầm cái thay Tn nên có vai trò thứ 3.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đánh giá đúng về tội danh khung hình phạt, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật các bị cáo Tn, C, N Th ban đầu đánh bạc bằng hình thức chơi tá lả sau khi có Tg tham gia chơi các bị cáo chuyển sang hình thức xóc đĩa và vẫn dùng số tiền từ khi chơi tá lả để đánh xóc đĩa kế tiếp về mặt thời gian vì vậy không thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, bản án sơ

thẩm không Nhận định việc áp dụng nhưng trong phần Quyết định có áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Th, Tn, C là không chính xác nên sửa theo hướng không áp dụng.

Từ phân tích trên không có căn cứ chấp nhận Kháng nghị phần áp dụng khung hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, chấp nhận phần kháng nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Th, Tn, C của bản án số 110/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C, cấp sơ thẩm đã đánh giá về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thật thà khai báo ăn ăn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th không thành khẩn khai báo nên không được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật. Ngoài ra các bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo N không có tình tiết mới mức hình phạt đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Th thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo có mặt đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đây được coi là tình tiết mới vì vậy áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét quyết định giảm nhẹ hình phạt.

Cấp sơ thẩm phạt bị cáo Th 9 năm 6 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 4 năm tù về tội đánh bạc, phạt bị cáo Tn 9 năm tù về tội lừa đảo 4 năm tù về tội đánh bạc, phạt bị cáo C 8 năm tù tội tội lừa đảo 4 năm tù về tội đánh bạc theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS 1999 là nghiêm khắc vì vậy chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo Th, Tn C.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định phạt Trần Văn Tg 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng về tội " Đánh bạc" là phù hợp.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn Tg yêu cầu các bị cáo Th, Tn và C đã lừa Tg pH trả lại số tiền bị cáo bán xe và hiện vật để dùng vào đánh bạc là 468.166.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên Trần Văn Tg bán xe ô tô là hoàn toàn hợp pháp sau đó bị cáo dùng tiền để tham gia đánh bạc bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử về

tội "*Đánh bạc*" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy không có căn cứ trả lại tiền mà tịch thu sung quỹ Nhà Nước như cấp sơ thẩm đã Quyết định.

Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N và bị hại Trần Văn Tg.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của bị cáo Th, Tn, C được chấp nhận phần nên bị cáo không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo N và Tg pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND Thành phố Hà Nội về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chấp nhận kháng nghị chuyển khung hình phạt tội đánh bạc đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N và Trần Văn Tg.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 30 (ba mươi) tháng tù về tội Đánh bạc và 20 (hai mươi) tháng tù về tội Gá bạc. Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 50 (năm mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15.3.2015 đến ngày 20.7.2015).

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Văn C.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25.6.2019 (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26.3.2015 đến ngày 04.4.2015).

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tn 7 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 10 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22.01.2016.

Phạt: Bị cáo **Cao Văn C** 6 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt bị cáo pH chấp hành cho hai tội là 9 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14.5.2016.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Văn Tn,Cao Văn C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị N và Trần Văn Tg phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 110/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Chi cục T.H.A DS Q HBT;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ THỊ THU THỦY

- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.